

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17/9/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến - Cán bộ hưu.

Ông Trần Thanh Bình - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 17/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 89/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/6/2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Viên Thị Nh – sinh năm 1985.

Địa chỉ: thôn TG1, xã TD, Huyện LN, tỉnh BG.

Xin vắng mặt.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Duy C – sinh năm 1983.

Địa chỉ: thôn TG1, xã TD, Huyện LN, tỉnh BG.

Hiện đang lao động tại nước ngoài không rõ địa chỉ.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Viên Thị Nh trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh Nguyễn Duy C trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 13/5/2013 tại UBND xã TD, huyện LN, tỉnh BG. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại thôn TG1, xã TD. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và cùng đi làm ăn xa và trong khoảng thời gian đó chị và anh C xảy ra nhiều mâu thuẫn. Ban đầu mâu thuẫn là do kinh tế nhưng vợ chồng đã cố gắng vượt qua. Cuối năm 2018 thì chị về nước chữa bệnh thì mâu thuẫn lại bắt đầu từ đó vợ chồng cãi nhau vì những lý do nhỏ nhặt. Hiện nay anh C vẫn sinh sống bên Macao, cũng một năm nay vợ chồng không liên lạc với nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Duy C.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Duy C có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy Hoàng M – Sinh ngày 26/5/2007. Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, chị và anh C tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Duy C hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh Nguyễn Duy C.

* Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua bà Nguyễn Thị S - sinh năm 1956. Địa chỉ: thôn TG1, xã TD, Huyện LN, tỉnh BG (mẹ đẻ anh C), bà S có quan điểm trình bày như sau:

- Tôi là mẹ đẻ của anh Nguyễn Duy C có địa chỉ như trên. Hiện nay con tôi đang đi lao động tại không có mặt ở tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Về địa chỉ của con tôi ở bên nước ngoài thì tôi không biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Tòa án yêu cầu gia đình tôi thông báo để anh C gửi quan điểm về thì gia đình chúng tôi từ chối thực hiện. Về việc yêu cầu khởi kiện của chị Nh thì con tôi có quan điểm trao đổi về với gia đình là:

+ Về quan hệ hôn nhân: con tôi không đồng ý ly hôn với chị Viên Thị Nh.

+ Về con chung: Chị Nh và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy Hoàng M sinh ngày 26/5/2007 hiện nay cháu ở với bố và ông bà nội. Do anh C không đồng ý ly hôn nên về con chung con tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Con tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Viên Thị Nh xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Anh Nguyễn Duy C vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Viên Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Duy C. Về con chung: Do chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Tài sản chung, công nợ: các đương sự trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị Viên Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Viên Thị Nh là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Duy C. Bị đơn anh Nguyễn Duy C là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn TG1, xã TD, Huyện LN, tỉnh BG nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 8591/QLXNC-P5 ngày 11/6/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh Nguyễn Duy C đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 03/4/2019, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của anh Nguyễn Duy C. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị Viên Thị Nh vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Duy C vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp anh Nguyễn Duy C cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Duy C theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Viên Thị Nh, anh Nguyễn Duy C.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Chị Viên Thị Nh kết hôn với anh Nguyễn Duy C trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 13/5/2013 tại UBND xã TD, huyện LN, tỉnh BG. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và cùng đi làm ăn xa và trong khoảng thời gian đó chị và anh C xảy ra nhiều mâu thuẫn. Ban đầu mâu thuẫn là do kinh tế nhưng vợ chồng đã cố gắng vượt qua. Cuối năm 2018 thì chị về nước chữa bệnh thì mâu thuẫn lại bắt đầu từ đó vợ chồng cãi nhau vì những lý do nhỏ. Hiện nay anh C vẫn sinh sống bên Macao, cũng một năm nay vợ chồng không liên lạc với nhau. Nay xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị Viên Thị Nh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Duy C. Thông qua người thân (là mẹ đẻ) anh Nguyễn Duy C có quan điểm không đồng ý ly hôn với chị Viên Thị Nh.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Viên Thị Nh và anh Nguyễn Duy C là hợp pháp. Hiện nay anh chị mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị Viên Thị Nh và anh Nguyễn Duy C đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Viên Thị Nh và anh Nguyễn Duy C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều

51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Viên Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Duy C.

[4]. Về con chung: Chị Viên Thị Nh và anh Nguyễn Duy C có 01 con chung là cháu chung là cháu Nguyễn Duy Hoàng M – Sinh ngày 26/5/2007. Hiện cháu M đang ở ổn định với gia đình ông bà nội và được gia đình nuôi dưỡng, chăm sóc, phát triển bình thường. Cháu có nguyện vọng ở với bố và gia đình nhà nội. Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): chị Nh không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Sau này có tranh chấp các bên có quyền đề nghị giải quyết bằng vụ án khác.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Viên Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Viên Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Duy C .

2. Về án phí: Chị Viên Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000699 ngày 19/6/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Viên Thị Nh đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

- Anh Nguyễn Duy C hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án

được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Viên Thị Nh cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã TD, huyện LN;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng